|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN**Số: 456 /BC-BCA | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam**

**và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của**

**người nước ngoài tại Việt Nam**

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 31/3/2023 Nghị quyết Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 3 năm 2023 của Chính phủ và trên cơ sở Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Báo cáo số 392/BC-BCA ngày 23/3/2023), Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Báo cáo số 423/BC-BCA ngày 29/3/2023), Bộ Công an báo cáo tổng kết thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnhh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

**A. TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM (TỪ NGÀY 01/7/2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2022)**

**I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM**

Ngay sau khi Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 ban hành kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Công an, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong tổ chức triển khai thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương đã tích cực, chủ động triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

**1. Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương**

- Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 2282/QĐ-BCA ngày 30/3/2020 ban hành kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết thi hành; tổ chức hội nghị phổ biến Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tại Việt Nam; tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên sâu Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam cho cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh; nội dung tập huấn tập trung giới thiệu những quy định mới của văn bản quy pháp luật, nhấn mạnh những vấn đề cần chú ý trong quy trình giải quyết, đồng thời giải đáp những vấn đề chưa rõ nhằm thống nhất về nhận thức để đảm bảo khi giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương đã tổ chức tuyên truyền, thực hiện niêm yết công khai các quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, các văn bản hướng dẫn, quy định về hồ sơ và các loại biểu mẫu liên quan đến việc cấp hộ chiếu, giấy thông hành tại trụ sở tiếp dân; đăng tải các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Cục quản lý xuất nhập cảnh và các phương tiện thông tin đại chúng khác; Thông báo công khai số điện thoại đường dây nóng của cơ quan để trả lời về thủ tục và giải đáp những thắc mắc về việc xuất cảnh, nhập cảnh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; Phối hợp với các báo, đài trong cả nước để tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Thông qua báo, đài truyền hình, đài phát thanh để trả lời, giải đáp, giải thích những quy định pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều xây dựng kế hoạch triển khai Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam trong lực lượng Công an địa phương; đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân cấp dưới tổ chức thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thực hiện quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn tích cực, chủ động thực hiện nhiều biện pháp để triển khai Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, về quản lý cán bộ xuất nhập cảnh hoặc quy định khác trái với Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ. Các bộ, ngành trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Đã tiến hành kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác trong lĩnh vực quản lý của mình liên quan đến quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý cán bộ xuất cảnh, nhập cảnh để sửa đổi, bãi bỏ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ những nội dung trái với Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Các bộ, ngành có liên quan đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, như: Bộ Ngoại giao đã chủ động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập cảnh nói chung và xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói riêng cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật liên quan lên cổng thông tin điện tử về công tác lãnh sự ([*www.lanhsuvietnamg.gov.vn*](http://www.lanhsuvietnamg.gov.vn)); Bộ Quốc phòng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh tại khu vực biên giới, các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

**II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM**

**1. Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam**

Bộ Công an đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Nghị định số 76/2020/NĐ-CP  ngày 01/7/2020  quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành; Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động; đồng thời Bộ Công an ban hành theo thẩm quyền Thông tưsố 74/2020/TT-BCA ngày 01/7/2020 của Bộ Công an quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu; Thông tưsố 79/2020/TT-BCA ngày 14/7/2020 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh; Thông tưsố 110/2020/TT-BCA ngày 16/10/2020 của Bộ Công an quy định quy trình thu nhận vân tay của người đề nghị cấp hộ chiếu có gắn chíp điện tử và người đăng ký xuất cảnh, nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động; Thông tưsố 73/2021/TT-BCA ngày 29/6/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan; Thông tư số 68/2022/TT-BCA ngày 31/12/2022 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/6/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan. Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 hướng dẫn việc cấp, gia han, huỷ giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực; trao đổi và kiến nghị Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 113/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 264/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, trong đó có điều chỉnh mức lệ phí cấp hộ chiếu; ban hành Quyết định số 1067/QĐ-BNG ngày 18/05/2021 của Bộ Ngoại giao về việc quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại Bộ Ngoại giao và các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài thay thế Quyết định số 394/QĐ-BNG ngày 01/02/2016.

**2. Tổ chức nhân lực bảo đảm hoạt động quản lý xuất nhập cảnh**

- Bộ Công an và Công an các địa phương đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh, nhất là đội ngũ cán bộ tiếp công dân, trực tiếp hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ. Bố trí cán bộ, chiến sĩ có năng lực, tinh thần trách nhiệm, tác phong thái độ đúng mực, nắm vững nghiệp vụ, đã qua tập huấn chuyên sâu về Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để tiếp công dân; thường xuyên chấn chỉnh tác phong làm việc, giao tiếp ứng xử, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân cho đội ngũ cán bộ. Kiên quyết xử lý vi phạm những cán bộ, chiến sĩ có thái độ, hành vi sách nhiễu nhân dân khi thực hiện các thủ tục xuất nhập cảnh, đồng thời cũng tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời những cán bộ, chiến sĩ có thành tích tốt, cách làm hay, sáng tạo trong công tác này; thường xuyên củng cố, sửa sang lại trụ sở tiếp dân giải quyết thủ tục xuất nhập cảnh để phục vụ người dân; xây dựng tác phong làm việc nghiêm túc, thái độ tốt trong giao tiếp, phục vụ nhân dân; chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ phục vụ yêu cầu nhiệm vụ công tác Công an nói chung và công tác quản lý xuất nhập cảnh nói riêng. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng có tập trung vào đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm công tác hướng dẫn kiểm tra, thực hiện công tác quản lý xuất nhập cảnh.

- Bộ Ngoại giao đã kiện toàn bộ máy, đào tạo bồi dưỡng, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc phục vụ kịp thời công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam. Ngoài các cơ quan lãnh sự thì tại các Đại sứ quán luôn có bộ phận lãnh sự để giải quyết công tác lãnh sự trong đó có việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

 - Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thường xuyên phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự cho cán bộ đi luân chuyển, đảm bảo các cán bộ phải có chứng chỉ hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự mới được ủy quyền ký các giấy tờ lãnh sự khi công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ phụ trách bộ phận một cửa; phổ biến, cập nhật các quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật; thực hiện tốt công tác giải thích pháp luật để công dân Việt Nam ở nước ngoài hiểu, chấp hành.

**3. Công tác cấp giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh cho công dân**

Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an đã cấp 2.448.888 hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam ở trong nước; Bộ Ngoại giao cấp 1.787 hộ chiếu ngoại giao, 11.746 hộ chiếu công vụ; các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp 298 hộ chiếu ngoại giao, 131 hộ chiếu công vụ; 537.753 hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.

- Bộ Công an đã tiếp nhận 5.859 hồ sơ đề nghị cấp thẻ đi lại của doanh nhân APEC cho doanh nhân Việt Nam (thẻ ABTC), trong đó đã cấp 4.273 thẻ ABTC .

- Phối hợp xác minh 33.329 hồ sơ của công dân Việt Nam ở nước ngoài đề nghị cấp hộ chiếu, giấy thông hành, trong đó đã xác minh trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài 25.398 hồ sơ; tiếp nhận, giải quyết xác minh 217 hồ sơ của công dân Việt Nam ở nước ngoài xin thôi quốc tịch Việt Nam; giải quyết 427 hồ sơ công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài xin về thường trú.

- Tiếp nhận 22.002 hồ sơ công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, trong đó đồng ý tiếp nhận 15.990 trường hợp.

- Công an các địa phương đã thực hiện cấp 1.021.535 giấy thông hành cho công dân sử dụng xuất nhập cảnh sang các nước láng giềng có chung đường biên giới trên đất liền với Việt Nam.

- Việc xét duyệt cấp hộ chiếu, giấy thông hành đảm bảo chặt chẽ đúng người, đúng đối tượng quy định, qua công tác xét duyệt cấp giấy tờ xuất nhập cảnh đã phát hiện 211 trường hợp thuộc diện “chưa được xuất” theo đề nghị của các bộ, ngành và địa phương; trong quá trình xử lý hồ sơ nhận trở lại công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất đã phát hiện 07 đối tượng truy nã.

- Bộ Công an và Bộ Ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ trong việc xử lý vấn đề một số quốc gia không công nhận hộ chiếu phổ thông mẫu mới, phối hợp triển khai việc giới thiệu các mẫu hộ chiếu mới của Việt Nam kịp thời, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

- Liên quan đến tình hình sử dụng, quản lý ngoại giao, hộ chiếu công vụ: Nhìn chung các cán bộ sử dụng hộ chiếu đúng mục đích, nhiệm vụ được giao, đồng thời tuân thủ nghiêm túc quy định về giao, nhận hộ chiếu, bảo quản hộ chiếu (chưa ghi nhận các trường hợp sử dụng không đúng mục đích). Việc quản lý hộ chiếu ngoại giao/công vụ tại Bộ Ngoại giao được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Luật Xuất nhập cảnh và Quyết định số 1067/QĐ-BNG của Bộ Ngoại giao.

**4. Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ và cải cách thủ tục hành chính**

- Trên cơ sở nhu cầu cấp hộ chiếu, giấy thông hành của người dân trong giai đoạn đất nước mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, ra nước ngoài học tập, lao động, công tác ngày càng tăng, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào phục vụ nhân dân. Đồng thời, Bộ Công an đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo công tác nhận hồ sơ xin cấp hộ chiếu, các giấy tờ khác có giá trị xuất nhập cảnh của công dân nhanh chóng, kịp thời; trả kết quả đúng thời gian; giảm các thủ tục khác không cần thiết để phục vụ nhân dân. Bộ Công an đã chủ động nghiên cứu cải tiến các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh, cải tiến các quy trình, biện pháp công tác theo hướng đơn giản hóa, công khai hóa, tạo thuận lợi cho người dân.

- Bộ Công an và Công an các địa phương đã chủ động nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý xuất nhập cảnh, xây dựng hộp thư thoại hướng dẫn thủ tục xuất nhập cảnh, các website công khai điều kiện, thủ tục nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch các quy trình, quy định trong giải quyết các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, được nhân dân và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đánh giá cao.

- Công tác cấp phát hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông tại các cơ quan có thẩm quyền trong nước và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở các quy định mới của Luật đã và đang được cải tiến theo hướng đẩy mạnh việc ứng dụng sự tiến bộ của khoa học công nghệ.

**5. Công tác kiểm tra, kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh của công dân tại các cửa khẩu**

Việc giải quyết thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh tại các cửa khẩu, sân bay tiếp tục được cải tiến theo hướng thuận lợi, thông thoáng hơn. Đặc biệt, Bộ Công an đã trang bị hệ thống cổng kiểm soát tự động tại các cửa khẩu hàng không quốc tế góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam tại các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý, không để xảy ra tình trạng ùn ứ tại các bục kiểm soát; không để người dân bị chậm, trễ các chuyến bay do làm thủ tục, đáp ứng yêu cầu vềphát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; lực lượng kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu sân bay quốc tế được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát hành khách xuất nhập cảnh (hệ thống máy tính kết nối với trung tâm, phòng kỹ thuật phát hiện hộ chiếu, giấy tờ giả, máy đọc hộ chiếu,...). Trong thời gian qua, các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu đã giải quyết cho 9.069.361 lượt người Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế, trong đó có 5.700.567 lượt qua cửa khẩu đường hàng không; 3.351.644 lượt qua cửa khẩu đường bộ; 17.150 lượt qua cửa khẩu đường biển.

**6. Công tác phối hợp quản lý, bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài**

- Bộ Công an đã chủ động hợp tác với các nước trong việc giải quyết các vấn đề liên quan xuất nhập cảnh có tính chất toàn cầu như: di cư tự do; phối hợp trong trao đổi thông tin, nâng cao hiệu quả công tác quản lý xuất nhập cảnh trong khu vực, thế giới; định kỳ tham dự các hội nghị thường niên Những người đứng đầu cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lãnh sự ASEAN (DGICM), Nhóm đi lại của doanh nhân APEC (BMG), Quản lý dòng di cư Á – Âu (ASEM); tranh thủ sự giúp đỡ về đào tạo ngoại ngữ và trang bị phương tiện, nâng cao năng lực quản lý xuất nhập cảnh; hợp tác trao đổi thông tin xuất nhập cảnh; tăng cường quan hệ hợp tác song phương với Cơ quan Quản lý xuất cảnh các nước; tranh thủ sự hợp tác với các nước để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ trong kiểm tra, kiểm soát phát hiện hộ chiếu, giấy tờ giả cho cán bộ quản lý xuất nhập cảnh, đồng thời trang bị phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến (phòng kỹ thuật) cho cửa khẩu sân bay quốc tế. Đối với công tác đàm phán thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam đảm bảo trật tự, an toàn, tôn trọng nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Trong năm qua, tình hình thế giới có nhiều biến động, nổi bật là cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina diễn ra hết sức căng thẳng, gây mất ổn định an ninh chính trị trong khu vực và trên thế giới, đe doạ trực tiếp đến an toàn tính mạng, tài sản của người dân, doanh nghiệp; hàng triệu người đã di tản khỏi Ucraina sang các nước láng giềng, trong số đó có hàng nghìn công dân Việt Nam đang cư trú, sinh sống tại Ucraina đã sơ tán rời khỏi Ucraina sang Rumani, Ba Lan… để tìm cách về nước. Trước tình hình trên, với mục tiêu đảm bảo an ninh, an toàn cao nhất về tính mạng, tài sản, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho công dân và pháp nhân Việt Nam ở Ucraina, Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện xác minh, cấp phát giấy tờ xuất nhập cảnh cho công dân Việt Nam, người gốc Việt và thành viên gia đình, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết thủ tục nhập cảnh cho họ về Việt Nam, đồng thời đảm bảo không để lọt các đối tượng phản động lợi dụng xâm nhập vào nội địa hoạt động chống phá. Các cơ quan đại diện kịp thời phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước trong việc xác minh để cấp hộ chiếu cho công dân, đáp ứng yêu cầu về giấy tờ xuất nhập cảnh để bà con ổn định cuộc sống ở sở tại; phối hợp xác minh cấp hộ chiếu cho các trường hợp mất giấy tờ, không được nước ngoài cho cư trú hoặc bị phía nước ngoài trục xuất.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM**

**1. Kết quả đạt được**

Qua hơn 02 năm tổ chức thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đã cho thấy sự triển khai nghiêm túc, hiệu quả của các bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân, Công an các cấp. Bộ Công an đã giúp Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai, thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đạt nhiều kết quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành rộng rãi, hiệu quả, qua đó đã nâng cao nhận thức pháp luật về cư trú của các cơ quan, tổ chức và của người dân.

Thông qua triển khai tập huấn Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Công an các cấp đã có chuyển biến tích cực cả về nhận thức, trách nhiệm và phương pháp tổ chức thực hiện, nhất là về ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý xuất nhập cảnh. Trong tổ chức thực hiện đã áp dụng đúng các quy trình công tác, giải quyết các hồ sơ đúng đối tượng, điều kiện, thủ tục. Tất cả các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đều công khai hoá thủ tục, điều kiện, thời gian giải quyết, lệ phí làm thủ tục xuất nhập cảnh.

Việc triển khai thực hiện Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đã đảm bảo được yêu cầu quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở các cấp, hỗ trợ đắc lực trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự. Có thể khẳng định, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam đã thực sự đi vào cuộc sống, được xã hội hoan nghênh, nhân dân đồng tình, ủng hộ.

**2. Ưu điểm**

- Công tác quản lý xuất nhập cảnh đã góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia, biên giới quốc gia; tạo môi trường thông thoáng phục vụ hội nhập quốc tế, giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế; thu hút được nhiều kiều hối, chất xám của Việt kiều để xây dựng và phát triển kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài, thực hiện xuất nhập khẩu, đầu tư, kinh doanh tăng nguồn dự trữ ngoại hối cho đất nước; đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài để tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nước và tăng thu ngoại tệ; tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên đi nước ngoài học tập tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm của các nước, phục vụ xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt Nam sinh sống làm ăn ổn định ở nước ngoài, góp phần phục vụ đường lối đối ngoại, tăng cường hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước.

- Việc quy định công khai, rõ ràng về điều kiện xuất cảnh, điều kiện cấp hộ chiếu, người thuộc diện chưa được xuất cảnh, chưa được nhập cảnh, các nguyên tắc đàm phán nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, tạo thuận lợi cho người dân, , ngăn chặn xuất cảnh, cư trú trái phép, tránh phía nước ngoài đưa ồ ạt số lượng lớn công dân trở về nước.

**3. Khó khăn, bất cập**

Một số quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam chưa thực sự phù hợp trong điều kiện hiện nay, cụ thể:

**3.1.** Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Theo đó đã xác định công tác cải cách hành chính phải được tiến hành một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

Để triển khai thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, ngày 25/12/2021 Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 10695/QĐ-BCA Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022; theo đó, Bộ Công an sẽ triển khai thực hiện các thủ tục hành chính ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Qua nghiên cứu, rà soát, Bộ Công an thấy để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ở mức độ 4 cần sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam có liên quan đến nội dung này, cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định “Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều này; xuất trình Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng”. Như vậy, theo quy định trên thì người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nuớc phải trực tiếp thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh; do vậy, để thực hiện việc cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cần bổ sung quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông qua giao dịch điện tử.

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh nơi thuận lợi, cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi. Như vậy, cũng cần nghiên cứu bổ sung quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện báo mất hộ chiếu phổ thông qua giao dịch điện tử để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông trực tiếp nộp tờ khai và hộ chiếu tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi. Để tạo điều kiện thuận lợi công dân trong việc thực hiện đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông qua giao dịch điện tử cần nghiên cứu, bổ sung quy định này vào Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**3.2.** Ngày 30/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1015/QĐ-TTg phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; theo đó trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh có thủ tục trình báo mất hộ chiếu phổ thông sẽ được phân cấp giải quyết từ cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện, từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân cho phù hợp.

**3.3.** Ngày 28/7/2022, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; theo đó, bãi bỏ quy định nộp bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân dân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất và bãi bỏ quy định nộp Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh cho phù hợp.

**3.4.** Ngày 15/11/2022, tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 76/2022/QH15, theo đó, Quốc hội “đồng ý bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam, đồng thời giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện; khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn”. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng bổ sung thông tin về nơi sinh là thông tin cơ bản trong giấy tờ xuất nhập cảnh là cần thiết.

**3.5.**Theo quy định của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46). Như vậy cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì. Việc này không phù hợp với của trương của Đảng, cụ thể tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nêu rõ: “Khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính” (tiết 2.2 mục 2 Phần III Nghị quyết). Do đó cần phải điều chỉnh lại, theo hướng chỉ một Bộ chủ trì.

Theo quy định của Luật Cư trú và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cư trú và xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Công tác tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là một trong những nội dung của công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Bộ Công an là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các hiệp định, thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, như: tổ chức xác minh, cấp giấy tờ đi lại, thực hiện tiếp nhận công dân khi nước ngoài trao trả… Do đó, nếu giao cho Bộ Ngoại giao đề xuất đàm phán ký kết, Bộ Công an tổ chức thực hiện sẽ thiếu tính thống nhất và không bám sát được thực tiễn.

Về việc thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, trên thực tế Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ thực hiện công tác bảo hộ trong giai đoạn công dân đang bị tố tụng (bị bắt giữ, xét xử), sau khi đã có quyết định xét xử, trục xuất của cơ quan chức năng nước ngoài thì việc xác minh, tổ chức tiếp nhận công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất hoàn toàn do các cơ quan chức năng của Bộ Công an thực hiện.

Trên thực thế, gần đây Bộ Công an đã chủ trì đàm phán 03 thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; kết quả đàm phán đảm bảo đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.

Từ những lý do nêu trên cho thấy việc quy định giao cho Bộ Công an chủ trì thực hiện đàm phán, ký kết điều ước quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là phù hợp với phạm vi chức năng của Bộ Công an, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

**3.6.** Thời gian qua, tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hẹn nhận kết quả nhưng không đến nhận hộ chiếu (những trường hợp này không đề nghị trả hộ chiếu qua dịch vụ bưu chính công ích) dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác trả hộ chiếu cho công dân, cũng như việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân mà không đến nhận; kết quả thống kê cho thấy tính từ ngày 01/7/2020 đến nay có 975 trường hợp công dân đã được cấp hộ chiếu nhưng không nhận kết quả; hiện nay chưa có quy định về việc xử lý số hộ chiếu thuộc diện nêu trên. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông (Điều 27) đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận kết quả để đảm bảo hiệu quả công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nói riêng, công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói chung.

**3.7.** Tại khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định “*Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên trở lên từ cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài”* thuộc diện đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao. Như vây, chức vụ Phó Tùy viên Quốc phòng ở cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao.

**3.8.** Việc cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn theo Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam hiện nay có một số vướng mắc, đó là đối tượng được cấp hộ chiếu rút gọn rất hẹp, không bao hàm đối tượng không được phía nước ngoài cho cư trú không theo Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế, nạn nhân mua bán người; ngư dân… Quy định hiện hành về cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn chưa thực sự thuận lợi, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt trong tình huống gấp, cấp thiết.

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam về các vấn đề sau:

**1.** Bổ sung thông tin nơi sinh vào giấy tờ xuất nhập cảnh; Bổ sung quy định về hình thức nộp hồ sơ qua giao dịch điện tử đối với thủ tục cấp hộ chiếu, thủ tục trình báo mất hộ chiếu, thủ tục khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu;

**2.** Bãi bỏ quy định nộp bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân dân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất và bãi bỏ quy định nộp Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

**3.** Bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của trường hợp đã được cấp hộ chiếu nhưng từ chối không nhận;

**4.** Sửa đổi trách nhiệm của Bộ Công an và Bộ Ngoại giao trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú;

**5.** Bổ sung đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, bao gồm Phó Tùy viên Quốc phòng;

**6.** Bổ sung diện đối tượng được cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn, bao gồm những trường hợp công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú không thuộc đối tượng của Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân.

**B. TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2014 (Luật số 47/2014/QH13), sau 04 năm thi hành Luật, Bộ Công an đã tiến hành tổng kết, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25/11/2019, có hiệu lực từ 01/7/2020 (Luật số 51/2019/QH14) để luật hóa chính sách cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài và sửa đổi bổ sung một số chính sách nhằm tạo điều kiện cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam.

Việc ban hành Luật số 47/2014/QH13 và Luật số 51/2019/QH14 (sau đây gọi chung là Luật) đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xuất nhập cảnh; đáp ứng yêu cầu cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về đổi mới và hội nhập quốc tế. Việc triển khai thi hành Luật diễn ra trong bối cảnh Chính phủ áp dụng các biện pháp hạn chế người nước ngoài nhập cảnh nhằm phòng, chống dịch Covid-19 (năm 2020, 2021), một số quy định mới được bắt đầu thực hiện từ ngày 15/3/2022 sau khi Chính phủ khôi phục hoàn toàn chính sách xuất nhập cảnh như trước thời kỳ dịch đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, đồng thời, phục vụ yêu cầu công tác quản lý.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ[[1]](#footnote-2), căn cứ thực tiễn công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và báo cáo tổng kết của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Bộ Công an tiến hành tổng kết đánh giá thi hành Luật như sau:

**I**. **CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

**1. Công tác xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thi hành Luật**

Để triển khai thi hành Luật số 51/2019/QH14, Chính phủ đã ban hành 02 nghị định[[2]](#footnote-3); 03 Nghị quyết[[3]](#footnote-4); Bộ Công an ban hành 02 thông tư[[4]](#footnote-5); Bộ Ngoại giao ban hành 01 Thông tư[[5]](#footnote-6), đàm phán ký kết, sửa đổi 06 điều ước quốc tế về miễn thị thực. Thực hiện Nghị định số 64/2015/NĐ-CP, ngày 06/8/2015[[6]](#footnote-7), 63/63 UBND tỉnh, thành phố đã ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động tại địa phương, trong đó, một số UBND địa phương ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động là người nước ngoài như UBND các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Bình Dương... góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động tại địa phương.

**2. Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật**

Bộ Công an đã trực tiếp, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức nhiều đợt tập huấn các nội dung cơ bản của Luật số 47/2014/QH13, Luật số 51/2019/QH14 cho lực lượng quản lý xuất nhập cảnh toàn quốc, lực lượng kiểm soát xuất nhập cảnh của Bộ Quốc phòng tại cửa khẩu đường bộ, đường biển và các đơn vị liên quan, cụ thể như: Đã tổ chức Hội nghị tuyên truyền phổ biến Luật, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu luật cho lực lượng quản lý xuất nhập cảnh; công khai các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn, các biểu mẫu có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại trụ sở tiếp dân, trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác... Trả lời, giải đáp, giải thích những vướng mắc, thắc mắc của công dân, hoặc các cơ quan, doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức đối thoại trực tiếp về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân; phối hợp với các cơ quan liên quan của các bộ, ngành tổ chức giảng bài, hội thảo, tọa đàm cho các cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên đón người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, kinh doanh, đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; biên soạn nhiều bài viết trên báo Thanh niên, báo Lao động, báo Công an nhân dân, báo Quân đội nhân dân, báo Tuổi trẻ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn…, đưa tin trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh, phối hợp thực hiện phóng sự, trả lời phỏng vấn trên Đài Truyền hình Việt Nam.

Các bộ, ngành liên quan thông qua hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức tuyên truyền các quy định của Luật[[7]](#footnote-8), thường xuyên giới thiệu chính sách miễn thị thực, cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài trong các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch tại một số thị trường trọng điểm... Các địa phương phối hợp đưa tin, đăng tải các nội dung liên quan trên Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành.

Công tác triển khai thi hành Luật đã được Chính phủ chỉ đạo sát sao, các bộ, ngành, địa phương cơ bản đã thực hiện nghiêm túc, thống nhất, đồng bộ và tạo được sự đồng thuận của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Việc xây dựng, soạn thảo văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành bảo đảm kịp thời, thể hiện sự công khai, minh bạch, đơn giản về trình tự, thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tạo hành lang pháp lý đồng bộ trong thực hiện công tác quản lý nhà nước. Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản triển khai thi hành Luật có sự chuyển biến, đổi mới mạnh mẽ về hình thức, qua đó, giúp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nắm, hiểu, chấp hành pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động tại Việt Nam.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT**

**1. Việc giải quyết xét duyệt nhân sự, cấp giấy tờ có giá trị nhập cảnh, cư trú cho người nước ngoài.**

Qua thống kê từ năm 2019 đến nay, các cơ quan chức năng của Bộ Công an đã xét duyệt, kiểm tra nhân sự nhập cảnh cho 8.813.409 người nước ngoài, NVNĐCNN nhập cảnh Việt Nam; cấp 775.240 thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, cấp 854.445 thị thực; 370.996 giấy miễn thị thực, 165.081 thẻ tạm trú và gia hạn tạm trú cho 567.075 trường hợp; cấp gần 3000 thẻ thường trú. Kiểm tra nhân sự đề nghị cấp giấy miễn thị thực do cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam gửi về: 219.787 trường hợp; Xét duyệt nhân sự cấp thẻ ABTC đối với 26.952 doanh nhân nước ngoài. Cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao từ năm 2020 đến nay, cấp 452.966 thị thực, 473.189 Giấy miễn thị thực.

Trong giai đoạn áp dụng các biện pháp hạn chế nhập cảnh nhằm phòng, chống dịch Covid-19, đối với người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, thăm thân nhân bị mắc kẹt, chưa thể về nước do các nước tạm đóng cửa biên giới; thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của lãnh đạo Bộ Công an, Cục Quản lý xuất nhập cảnh đã đề xuất cấp có thẩm quyền các biện pháp, chủ trương, chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nước ngoài cư trú tại Việt Nam trong thời gian ảnh hưởng bởi dịch bệnh như: người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam nhưng không có cơ quan, tổ chức trong nước bảo lãnh (nhập cảnh theo diện miễn thị thực, sử dụng thị thực điện tử) chưa thể xuất cảnh thì các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam có thể trực tiếp bảo lãnh, đề nghị gia hạn tạm trú cho công dân của họ; người nước ngoài nhập cảnh từ 01/3/2020 theo diện miễn thị thực, nhập cảnh bằng thị thực điện tử hoặc thị thực du lịch chưa thể xuất cảnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 được áp dụng “tự động gia hạn tạm trú” (họ không phải đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để làm thủ tục gia hạn tạm trú).

Công tác xét duyệt, kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh vừa nhanh chóng, kịp thời, tạo thuận lợi cho người nước ngoài, vừa bảo đảm chặt chẽ, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là các sự kiện chính trị, quốc tế lớn của đất nước. Thông qua công tác xét duyệt, kiểm tra nhân sự, các cơ quan chức năng đã phát hiện và từ chối duyệt nhập cảnh hàng trăm đối tượng thuộc trường hợp chưa cho nhập cảnh, trong đó, có nhiều đối tượng là thành viên của các tổ chức phản động lưu vong, tổ chức khủng bố ở nước ngoài.

**2. Về giải quyết cấp thị thực điện tử**

Tuy chính sách cấp thị thực điện tử đã được luật hóa theo quy định của Luật số 51/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020) nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên đến ngày 15/3/2022 mới chính thức thực hiện cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam và đã đạt nhiều kết quả tích cực. Từ ngày 15/3/2022 đến nay, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã cấp trên 800 nghìn thị thực điện tử cho người nước ngoài, số lượng người nước ngoài được cấp thị thực điện tử tăng nhanh so với thời điểm trước dịch Covid-19 (từ 15/3/2019 đến 30/01/2020 chỉ cấp hơn 18 nghìn thị thực điện tử). Công tác xét duyệt nhân sự cấp thị thực điện tử bảo đảm chặt chẽ, không để lọt các trường hợp người nước ngoài thuộc diện chưa cho nhập cảnh Việt Nam. Số lượng người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực điện tử tăng cao vì các lý do sau đây:

- Thị thực điện tử có thời hạn 30 ngày, so với thủ tục cấp thị thực truyền thống, thủ tục cấp thị thực điện tử được đơn giản, thuận tiện hơn cho người nước ngoài, thời gian giải quyết nhanh chóng (theo quy định là 03 ngày làm việc); người nước ngoài thực hiện hoàn toàn qua Trang thông tin cấp thị thực điện tử, không phải thông qua cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh.

- Theo quy định của Luật số 51/2019/QH14 thì người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì được cấp tạm trú 30 ngày (trước đây, Luật số 47/2014/QH13 quy định chứng nhận tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực nên các trường hợp được cấp thị thực DL 3 tháng, khi nhập cảnh sẽ được cấp tạm trú 3 tháng). Do đó, nhiều người nước ngoài (thuộc công dân 80 nước được cấp thị thực điện tử) lựa chọn xin thị thực điện tử khi có nhu cầu vào Việt Nam ngắn ngày để du lịch.

- Người nước ngoài đã nhập cảnh bằng thị thực điện tử, nếu có nhu cầu tiếp tục ở lại Việt Nam có thể được xét chuyển đổi mục đích theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh nộp kèm công văn hoặc đơn bảo lãnh kèm theo giấy tờ như: giấy chứng minh là nhà đầu tư; giấy tờ chứng minh quan hệ là cha, mẹ, vợ, chồng, con với cá nhân bảo lãnh; giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

**3. Công tác kiểm soát người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu quốc tế.**

Trước giai đoạn dịch Covid-19, lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam tăng nhanh: Năm 2015 là 7.829.110 lượt (tăng 9,9% so với năm 2014), năm 2016 là 10.619.844 lượt (tăng 35,6% so với năm 2015), năm 2017 là 13.754.508 lượt (tăng 29.5% so với năm 2016), năm 2018 là 16.155.352 lượt (tăng 17,5% so với năm 2017).

Giai đoạn từ tháng 3/2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, số lượng NNN nhập cảnh Việt Nam giảm mạnh (năm 2020: 4.328.290 lượt người; năm 2021: 329.081 lượt người).

Từ 15/3/2022 đến nay, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước mở cửa, tiếp tục trạng thái bình thường mới, Cục Quản lý xuất nhập cảnh đã tham mưu lãnh đạo Bộ Công an đề xuất Chính phủ khôi phục việc thực hiện cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh theo Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019); miễn thị thực nhập cảnh cho công dân 13 quốc gia (Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Anh, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan, Belarus) trong thời hạn 03 năm từ 15/3/2022 đến 15/3/2025. Do vậy, lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam đã bắt đầu tăng trở lại (năm 2022 có 3.601.809 lượt người).

Qua công tác kiểm soát người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều trường hợp sử dụng hộ chiếu, thị thực giả, thuộc diện chưa cho nhập cảnh Việt Nam, không đủ điều kiện nhập cảnh. Đồng thời, đã phát hiện và xử lý một số vụ vận chuyển hàng cấm qua đường hàng không có liên quan đến an ninh quốc gia, như: vận chuyển vũ khí hoặc chi tiết vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ...

**4. Công tác quản lý người nước ngoài cư trú tại Việt Nam**

Về cơ bản, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam chấp hành tốt pháp luật xuất nhập cảnh, người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam cư trú chủ yếu tại các tỉnh, thành phố là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, có nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế hoặc có nhiều điểm du lịch như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Cần Thơ, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Dương..*.*

Năm 2020, khi dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam, Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo các bộ, ban, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trung ương tăng cường kiểm tra, rà soát quản lý người nước ngoài phục vụ công tác phòng, chống dịch. Bộ Công an đã chỉ đạo quyết liệt Công an các đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát người nước ngoài theo tinh thần “đi từng ngõ, gõ từng nhà”. Cục Quản lý xuất nhập cảnh đã chỉ đạo đơn vị chức năng chủ động triển khai các biện pháp cụ thể như: tra cứu thông tin, rà soát địa chỉ khai báo tạm trú của người nước ngoài trên các chuyến bay có người nhiễm bệnh để kịp thời tham mưu với Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 gửi Điện thông báo Công an các địa phương khẩn trương khoanh vùng, cách ly số người trên, góp phần vào công tác phòng, chống dịch đạt hiệu quả cao. Chủ động kiểm tra, nắm được di biến động của người nước ngoài tại Việt Nam (thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, chương trình làm việc), phát hiện những nguy cơ tiềm ẩn trong việc người nước ngoài di cư bất hợp pháp từ nước đang có dịch sang Việt Nam. Cục Quản lý xuất nhập cảnh đã chỉ đạo lực lượng xuất nhập cảnh các địa phương, chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, cơ bản đã đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, kiểm soát được số người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Đồng thời, qua công tác quản lý cư trú, đã phát hiện và xử lý nghiêm nhiều trường hợp người nước ngoài cư trú lỳ, cư trú trái phép hoặc có những vi phạm pháp luật khác.

**5. Về thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

**5.1. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

 Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra việc áp dụng pháp luật tại các cửa khẩu quốc tế hoặc tại các tỉnh, thành phố có đông người nước ngoài đến du lịch, lao động hoặc mục đích khác; đã tiếp nhận, trả lời nhiều kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

 Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra,giải quyết khiếu nại,tố cáo đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, uốn nắn những sai sót và kiến nghị bổ sung, điều chỉnh những quy định còn chưa hợp lý trong công tác quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài.

**5.2. Về xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

Nhìn chung, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam chấp hành tốt quy định pháp luật của Việt Nam, hoạt động đúng mục đích nhập cảnh. Tuy nhiên, có nhiều người nước ngoài hoạt động vi phạm pháp luật Việt Nam. Thông qua công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam, lực lượng Công an đã xử lý nhiều trường hợp người nước ngoài có các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Trong thời gian phòng, chống dịch COVID-19, do Việt Nam áp dụng các biện pháp hạn chế nhập cảnh để phòng dịch, một số cá nhân, tổ chức lợi dụng khó khăn trong việc nhập cảnh của NNN để hoạt động vi phạm pháp luật như: (1) lợi dụng chính sách của Chính phủ trong giải quyết nhập cảnh đối với chuyên gia để mời bảo lãnh cho NNN “núp bóng” chuyên gia nhập cảnh Việt Nam;(2) giả mạo hồ sơ xin cấp Giấy phép lao động hoặc núp bóng nhà đầu tư để hợp thức hóa việc xin cấp giấy tờ cư trú dài hạn và ở lại Việt Nam hoạt động trái phép; (3) làm giả thẻ tạm trú cho NNN để cư trú trái phép, xuất cảnh; (4) NNN mắc kẹt, lang thang không nơi ở, không có khả năng tài chính, tạo gánh nặng cho công tác đảm bảo ANTT tại các địa phương, đặc biệt là công tác phòng chống dịch bệnh; (5) NNN nhập cảnh trái phép, chủ yếu tìm kiếm việc làm, thăm thân, trốn truy nã, hoặc tiếp tục sang nước thứ ba tìm việc làm, đánh bạc, người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam về Trung Quốc qua biên giới đất liền … ; (6) sử dụng chứng nhận tạm trú quá thời hạn, hành nghề hoặc có hoạt động khác tại Việt Nam mà không được phép, khai không đúng sự thật để được cấp thị thực Việt Nam…

**6. Về công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

**6.1. Công tác phối hợp giữa lực lượng quản lý xuất nhập cảnh với các cơ quan, ban ngành và UBND các tỉnh, thành phố**

Thực hiệnNghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06/8/2015 quy định về cơ chế phối hợp trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, trong những năm qua, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh (từ trung ương đến địa phương) đã phối hợp với cơ quan chức năng thuộc các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố xử lý nhiều vấn đề liên quan đến thực hiện quy định pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như:

Phối hợp trong phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam[[8]](#footnote-9): Đã chủ động tuyên truyền, cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về âm mưu, phương thức và thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và bọn tội phạm trong việc lợi dụng con đường công khai xuất nhập cảnh vào Việt Nam để hoạt động chống phá, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội về những tồn tại trong công tác quản lý người nước ngoài để có biện pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước;

Phối hợp trong xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai Luật số 47 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực, địa bàn phụ trách;

Phối hợp trong tổ chức thực hiện các quy định của Luật[[9]](#footnote-10): Các cơ quan, ban, ngành đã chủ động trao đổi, thông báo cho đơn vị chức năng có liên quan về chủ trương, biện pháp thực hiện công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài cũng như trên địa bàn mỗi địa phương; ngoài ra, UBND các địa phương cũng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng gửi văn bản thông báo kịp thời các trường hợp chưa cho nhập cảnh, giải tỏa chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, buộc xuất cảnh đối với người nước ngoài theo quy định cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh phối hợp thực hiện;

Phối hợp trong công tác quản lý cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam: Cơ quan chức năng trao đổi thông tin cấp thị thực, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép lao động, giấy phép hành nghề của các cá nhân, tổ chức người nước ngoài đến làm việc tại các lĩnh vực, địa bàn; yêu cầu cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài phối hợp với cơ sở lưu trú thực hiện việc khai báo tạm trú của người nước ngoài theo quy định của pháp luật và phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề phát sinh; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn cơ sở (công an các xã, phường, thị trấn) chú trọng công tác quản lý người nước ngoài cư trú trên địa bàn;

Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài (như đã nêu tại mục 5.1 của báo cáo này).

Phối hợp xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam: Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo đơn vị trực thuộc kịp thời thông báo cho các cơ quan liên quan về phương thức, thủ đoạn vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để chủ động phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý; hướng dẫn các đoàn nước ngoài đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị hoặc tại các địa phương thực hiện đúng nội dung, chương trình; kịp thời nhắc nhở khi các đoàn nước ngoài làm việc ngoài chương trình đã đăng ký và có dấu hiệu vi phạm pháp luật…

6.2. Công tác phối hợp với lực lượng Biên phòng - Bộ Quốc phòng

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng quy chế phối hợp và tổ chức phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam theo quy định của Luật. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã phối hợp chặt chẽ với Cục Cửa khẩu - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như:

Làm tốt công tác hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị xuất nhập cảnh và Bộ đội Biên phòng các địa phương triển khai thực hiện Thỏa thuận phối hợp trong công tác quản lý xuất nhập cảnh giữa Cục Cửa khẩu (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) và Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an), chú trọng khắc phục những tồn tại, vướng mắc, đưa công tác phối hợp đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả.

Phối hợp hướng dẫn công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Phối hợp đấu tranh phòng, chống người nước ngoài nhập xuất cảnh trái phép qua biên giới đường bộ, đường biển, xử lý các vụ việc liên quan đến người nước ngoài nhập xuất cảnh; phối hợp trao đổi thông tin về các đối tượng có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm có yếu tố nước ngoài nhằm phối hợp đấu tranh giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuyến biên giới.

Kịp thời trao đổi thông tin, dữ liệu về người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, thông tin về mẫu hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của các nước; phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu hộ chiếu, thẻ tạm trú bị mất, hết giá trị phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Định kỳ tổ chức giao ban để đánh giá kết quả công tác phối hợp, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân để làm tốt công tác quản lý người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Đánh giá kết quả**

**1.1.** Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam có những quy định nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, đầu tư…, trong đó, đặc biệt là việc Luật số 51/2019/QH14 đã luật hóa chính sách thị thực điện tử sau thời gian thí điểm.

Việc ban hành, triển khai thực hiện Luật thống nhất từ Trung ương đến địa phương; có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp đã tạo được hành lang pháp lý cơ bản vững chắc trong hoạt động quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự của Việt Nam. Các quy định cụ thể, rõ ràng trong Luật đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc mời, bảo lãnh, đề nghị cấp các giấy tờ cư trú cho người nước ngoài tại Việt Nam; tạo thuận lợi, ưu đãi cho người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, như: Quy định về các trường hợp được chuyển đổi mục đích thị thực tạo điều kiện cho người nước ngoài không phải xuất cảnh; quy định về thời hạn của thị thực, thẻ tạm trú cấp cho nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào mức vốn góp đầu tư hoặc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi, khuyến khích đầu tư thể hiện chính sách ưu đãi cho người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam với số vốn góp lớn, phù hợp với chủ trương thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo tinh thần của Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị; việc chính thức áp dụng cấp thị thực điện tử, sửa đổi quy định về điều kiện nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực đã tạo thuận lợi hơn cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để du lịch, tìm kiếm cơ hội kinh doanh, đầu tư,…

Một số quy định mới của Luật số 51/2019/QH14 bắt đầu được triển khai từ ngày 15/03/2022, sau khi Chính phủ khôi phục các chính sách xuất nhập cảnh, cho phép mở cửa du lịch, đã góp phần thu hút nhiều người nước ngoài đến Việt Nam. Lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam trong năm 2022 tăng gấp 6,6 lần so với năm 2021 tuy còn thấp so với thời điểm trước dịch nhưng đã góp phần quan trọng trong phục hồi phát triển kinh tế. Những quy định cụ thể của Luật về điều kiện, thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cùng với sự nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước nói chung, lực lượng quản lý xuất nhập cảnh nói riêng và sự hỗ trợ của nhân dân đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước sau đại dịch Covid-19.

Việc triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an tích cực triển khai thực hiện. Việc nộp hồ sơ và nhận kết quả trả lời đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích; người dân, doanh nghiệp không phải đến trụ sở cơ quan quản lý xuất nhập cảnh giúp người dân, doanh nghiệp chủ động thời gian nộp hồ sơ, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý người nước ngoài nhập xuất cảnh ngày càng được nâng cao về số lượng, chất lượng, trình độ năng lực; đã được trang bị phương tiện khoa học kỹ thuật để thực thi nhiệm vụ, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; bên cạnh đó, ý thức và việc chấp hành các quy định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngày càng được nâng cao.

**1.2.** Bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được, đặc biệt sau khiQuốc hội khóa XIV đã thông qua Luật số 51/2019/QH14 góp phần hoàn thiện chính sách pháp luật trong công tác quản lý người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam. Tuy nhiên, Luật số 51/2019/QH14 có hiệu lực vào thời điểm cả thế giới phải đối mặt với đại dịch Covid-19, Việt Nam đang áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm tăng cường phòng chống dịch, do đó, hiệu quả trong việc đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của các chính sách còn hạn chế. Sau khi Chính phủ khôi phục các chính sách xuất nhập cảnh, cho phép mở cửa du lịch, các hoạt động xuất nhập cảnh đã dần trở lại trạng thái bình thường, lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam có tăng nhưng vẫn còn rất thấp so với thời điểm trước dịch. Chính phủ đã đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phục hồi du lịch, kinh tế xã hội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, nổi lên một số vấn đề như:

Theo quy định của Luật, thị thực điện tử có thời hạn 30 ngày và có giá trị một lần, việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện: (1) Có quan hệ ngoại giao với Việt Nam; (2) Phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kỳ; (3) Không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. Quá trình triển khai thực hiện, quy định trên ràng buộc việc mở rộng đối tượng được cấp thị thực điện tử, do đó, tác động đến việc thu hút nhiều hơn nữa khách quốc tế đến Việt Nam. Thời hạn thị thực điện tử tương đối ngắn chưa thực sự tạo thuận lợi cho người nước ngoài có nhu cầu vào Việt Nam du lịch dài ngày.

Sau khi Việt Nam mở lại hoàn toàn các hoạt động đón khách quốc tế, số lượng người nước ngoài đến Việt Nam có tăng theo từng tháng nhưng không đạt được mục tiêu đón 5 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2022 của ngành du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, Hiệp hội thương mại, doanh nghiệp nước ngoài (EuroCham, AmCham Việt Nam); Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF); các Hiệp hội, cơ quan chức năng về du lịch, nhất là Hội đồng tư vấn du lịch (TAB) và Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) có nhiều kiến nghị cần nâng thời hạn đơn phương miễn thị thực Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế trong thời gian tới.

Những năm qua, chính sách pháp luật xuất nhập cảnh của Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thời gian tới, với chủ trương tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, dự báo lượng người nước ngoài nhập cảnh sẽ tăng, đặc biệt, số người nhập cảnh bằng thị thực điện tử (không có cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh) sẽ ngày càng nhiều, đòi hỏi công tác quản lý cư trú của người nước ngoài phải được tăng cường hơn nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách thông thoáng về nhập xuất cảnh của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định để tăng cường công tác quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam.

**2. Kiến nghị, đề xuất**

Từ thực tiễn tổng kết thi hành Luật, Bộ Công an xin đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

- Sửa đổi quy định về điều kiện áp dụng cấp thị thực điện tử nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để Chính phủ có thể quyết định cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước, vùng lãnh thổ nếu không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

- Sửa đổi quy định về thời hạn thị thực điện tử từ 30 ngày lên không quá 03 tháng, có giá trị một lần hoặc nhiều lần theo đề nghị của người nước ngoài nhằm tạo điều kiện cho người nước ngoài có nhu cầu vào Việt Nam đến 3 tháng (các trường hợp có nhu cầu tiếp tục ở lại trên 3 tháng được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hiện hành).

- Sửa đổi quy định về thời hạn đơn phương miễn thị thực theo hướng tăng thời gian tạm trú tại Việt Nam cho người nước ngoài nhập cảnh theo diện này để góp phần thu hút nhiều hơn nữa người nước ngoài là công dân các nước được đơn phương miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam, tạo thuận lợi cho họ có nhiều lựa chọn: Nếu vào ngắn ngày thì nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực, dài ngày hơn (trên 03 tháng) thì lựa chọn thị thực điện tử.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng lao động nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài: Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú; người nước ngoài có trách nhiệm xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Tư pháp;- Văn phòng Chính phủ;- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);- Lưu: VT, QLXNC, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Thượng tướng Lương Tam Quang** |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Phụ lục 1*** | **BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH VIỆT NAM THEO QUỐC TỊCH****(từ 01/01/2019 đến 30/01/2023)** |

*Kèm theo báo cáo số /BC- BCA ngày tháng 4 năm 2023 của Bộ Công an*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Stt** | **Quốc tịch** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng** |
| 1 | Afganistan | 2,785 | 294 | 11 | 155 | 26 | 3,271 |
| 2 | Africa (Central) | 17 | 6 | 2 | 7 | 2 | 34 |
| 3 | Africa (South) | 25,312 | 4,667 | 395 | 5,624 | 1,780 | 37,778 |
| 4 | Albania | 430 | 86 | 3 | 78 | 41 | 638 |
| 5 | Algeria | 1,411 | 299 | 59 | 423 | 130 | 2,322 |
| 6 | American Samoa | 5 | 3 | 0 | 1 | 1 | 10 |
| 7 | Andorra | 121 | 10 | 0 | 36 | 3 | 170 |
| 8 | Angola | 202 | 36 | 12 | 119 | 14 | 383 |
| 9 | Anguilla | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 10 | Antarctica | 8 | 22 | 0 | 7 | 0 | 37 |
| 11 | Antigua & Barbuda | 70 | 8 | 5 | 11 | 2 | 96 |
| 12 | Argentina | 7,517 | 2,657 | 37 | 1,867 | 1,246 | 13,324 |
| 13 | Armenia | 905 | 259 | 13 | 315 | 112 | 1,604 |
| 14 | Aruba | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| 15 | Australia | 389,589 | 68,790 | 1,066 | 172,906 | 56,730 | 689,081 |
| 16 | Austria | 20,341 | 5,262 | 112 | 7,317 | 3,164 | 36,196 |
| 17 | Azerbaijan | 626 | 134 | 10 | 304 | 88 | 1,162 |
| 18 | Bahamas | 53 | 13 | 0 | 14 | 8 | 88 |
| 19 | Bahrain | 450 | 85 | 16 | 84 | 59 | 694 |
| 20 | Bangladesh | 12,288 | 1,976 | 70 | 2,628 | 967 | 17,929 |
| 21 | Barbados | 83 | 13 | 5 | 29 | 5 | 135 |
| 22 | Belarus | 13,072 | 5,031 | 105 | 1,567 | 761 | 20,536 |
| 23 | Belgium | 34,972 | 6,488 | 277 | 12,943 | 3,704 | 58,384 |
| 24 | Belize | 60 | 13 | 0 | 9 | 6 | 88 |
| 25 | Benin | 70 | 5 | 0 | 21 | 3 | 99 |
| 26 | Bermuda | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 |
| 27 | Bhutan | 750 | 215 | 8 | 259 | 109 | 1,341 |
| 28 | Bolivia | 389 | 96 | 14 | 83 | 30 | 612 |
| 29 | Bosnia and Herzegovina | 678 | 239 | 28 | 173 | 90 | 1,208 |
| 30 | Botswana | 89 | 12 | 1 | 17 | 1 | 120 |
| 31 | Bouvet Island | 3,512 | 237 | 1 | 12 | 14 | 3,776 |
| 32 | Brazil | 19,071 | 5,428 | 432 | 6,997 | 2,953 | 34,881 |
| 33 | British India Ocean Territory | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 34 | Brunei Darussalam | 5,872 | 835 | 17 | 1,318 | 304 | 8,346 |
| 35 | Bulgaria | 5,917 | 1,799 | 60 | 1,668 | 854 | 10,298 |
| 36 | Burkina Faso | 219 | 24 | 3 | 17 | 5 | 268 |
| 37 | Burundi | 38 | 3 | 0 | 5 | 2 | 48 |
| 38 | Cameroon | 773 | 189 | 6 | 442 | 99 | 1,509 |
| 39 | Canada | 163,168 | 35,700 | 605 | 59,231 | 29,997 | 288,701 |
| 40 | Cape Verde | 32 | 8 | 2 | 4 | 0 | 46 |
| 41 | Cayman Island | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 42 | Chad | 12 | 3 | 0 | 2 | 1 | 18 |
| 43 | Chile | 6,940 | 1,950 | 42 | 1,728 | 1,022 | 11,682 |
| 44 | China | 7,033,821 | 920,496 | 257,030 | 137,990 | 84,007 | 8,433,344 |
| 45 | China (Taiwan) | 940,776 | 166,981 | 11,556 | 143,662 | 91,644 | 1,354,619 |
| 46 | Colombia | 8,182 | 1,475 | 108 | 2,469 | 729 | 12,963 |
| 47 | Comoros | 23 | 2 | 4 | 8 | 1 | 38 |
| 48 | Congo | 134 | 16 | 0 | 31 | 10 | 191 |
| 49 | Costa Rica | 1,338 | 251 | 74 | 430 | 124 | 2,217 |
| 50 | Cote d' Ivoire | 450 | 93 | 1 | 81 | 16 | 641 |
| 51 | Croatia | 3,646 | 1,118 | 131 | 1,031 | 484 | 6,410 |
| 52 | Cuba | 1,509 | 228 | 23 | 825 | 159 | 2,744 |
| 53 | Cyprus | 1,334 | 239 | 21 | 546 | 133 | 2,273 |
| 54 | Czech Republic | 21,648 | 5,649 | 156 | 7,352 | 2,938 | 37,743 |
| 55 | Denmark | 42,844 | 12,891 | 346 | 14,314 | 6,540 | 76,935 |
| 56 | Djibouti | 31 | 8 | 0 | 1 | 0 | 40 |
| 57 | Dominica | 177 | 32 | 6 | 56 | 28 | 299 |
| 58 | Dominicana | 233 | 35 | 3 | 109 | 25 | 405 |
| 59 | East Timor | 10 | 3 | 0 | 1 | 0 | 14 |
| 60 | Ecuador | 1,757 | 300 | 57 | 430 | 105 | 2,649 |
| 61 | Egypt | 4,603 | 912 | 174 | 1,342 | 342 | 7,373 |
| 62 | El Salvador | 1,011 | 236 | 60 | 285 | 92 | 1,684 |
| 63 | Equatorial Guinea | 6 | 2 | 0 | 0 | 0 | 8 |
| 64 | Eritrea | 14 | 0 | 0 | 5 | 1 | 20 |
| 65 | Estonia | 4,862 | 2,125 | 5 | 974 | 834 | 8,800 |
| 66 | Ethiopia | 367 | 67 | 65 | 150 | 23 | 672 |
| 67 | Fiji | 514 | 81 | 2 | 194 | 43 | 834 |
| 68 | Finland | 21,993 | 8,079 | 93 | 4,840 | 2,273 | 37,278 |
| 69 | France | 296,529 | 64,508 | 1,890 | 97,540 | 36,633 | 497,100 |
| 70 | French Guiana | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 71 | Gabon | 48 | 10 | 0 | 29 | 1 | 88 |
| 72 | Gambia | 79 | 6 | 1 | 6 | 2 | 94 |
| 73 | Georgia | 337 | 92 | 2 | 220 | 86 | 737 |
| 74 | Germany | 233,334 | 52,204 | 1,294 | 96,308 | 34,750 | 417,890 |
| 75 | Ghana | 725 | 152 | 63 | 480 | 148 | 1,568 |
| 76 | Gibraltar | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10 |
| 77 | Greece | 6,658 | 1,259 | 107 | 3,045 | 829 | 11,898 |
| 78 | Greenland | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 |
| 79 | Grenada | 67 | 9 | 0 | 29 | 4 | 109 |
| 80 | Guatemala | 447 | 77 | 22 | 132 | 49 | 727 |
| 81 | Guinea | 216 | 46 | 0 | 19 | 7 | 288 |
| 82 | Guinea-Bissau  | 30 | 5 | 1 | 1 | 1 | 38 |
| 83 | Guyana | 32 | 1 | 0 | 4 | 1 | 38 |
| 84 | Haiti | 110 | 9 | 2 | 38 | 11 | 170 |
| 85 | Honduras | 393 | 66 | 22 | 85 | 31 | 597 |
| 86 | HongKong | 36,118 | 2,952 | 8 | 80 | 43 | 39,201 |
| 87 | Hungari | 9,430 | 3,042 | 110 | 3,231 | 1,705 | 17,518 |
| 88 | Iceland | 1,638 | 464 | 3 | 605 | 222 | 2,932 |
| 89 | India | 177,876 | 31,774 | 3,294 | 164,901 | 43,842 | 421,687 |
| 90 | Indonesia | 114,954 | 15,413 | 599 | 44,614 | 12,963 | 188,543 |
| 91 | Iran | 3,027 | 320 | 34 | 758 | 146 | 4,285 |
| 92 | Iraq | 487 | 114 | 7 | 137 | 68 | 813 |
| 93 | Ireland | 31,181 | 5,734 | 248 | 11,326 | 3,683 | 52,172 |
| 94 | Israel | 44,816 | 6,964 | 152 | 10,339 | 5,359 | 67,630 |
| 95 | Italy | 73,235 | 12,962 | 894 | 24,106 | 8,024 | 119,221 |
| 96 | Jamaica | 323 | 98 | 25 | 69 | 14 | 529 |
| 97 | Japan | 963,530 | 165,064 | 9,334 | 195,675 | 69,675 | 1,403,278 |
| 98 | Jordan | 1,256 | 245 | 73 | 411 | 95 | 2,080 |
| 99 | Kampuchea | 412,383 | 115,172 | 629 | 369,335 | 75,047 | 972,566 |
| 100 | Kazakhstan | 7,290 | 3,064 | 312 | 8,372 | 10,030 | 29,068 |
| 101 | Kenya | 1,808 | 388 | 98 | 504 | 96 | 2,894 |
| 102 | Kiribati | 33 | 4 | 0 | 11 | 0 | 48 |
| 103 | Korea (South) | 4,346,186 | 667,019 | 31,993 | 1,106,701 | 539,546 | 6,691,445 |
| 104 | Korea Democratic Peoples Republic | 1,201 | 101 | 0 | 173 | 22 | 1,497 |
| 105 | Kosovo | 76 | 16 | 1 | 13 | 5 | 111 |
| 106 | Kuwait | 1,292 | 258 | 60 | 317 | 130 | 2,057 |
| 107 | Kyrgyzstan | 1,206 | 485 | 25 | 1,950 | 2,328 | 5,994 |
| 108 | Laos | 148,559 | 43,496 | 8,334 | 87,524 | 17,213 | 305,126 |
| 109 | Latvia | 3,112 | 937 | 15 | 969 | 468 | 5,501 |
| 110 | Lebanon | 1,251 | 232 | 52 | 499 | 126 | 2,160 |
| 111 | Lesotho | 26 | 3 | 0 | 9 | 2 | 40 |
| 112 | Liberia | 467 | 105 | 5 | 32 | 7 | 616 |
| 113 | Libya | 617 | 143 | 14 | 193 | 61 | 1,028 |
| 114 | Liechtenstein | 335 | 33 | 1 | 56 | 20 | 445 |
| 115 | Lithuania | 5,199 | 1,810 | 40 | 1,858 | 1,052 | 9,959 |
| 116 | Luxembourg | 1,491 | 311 | 6 | 503 | 133 | 2,444 |
| 117 | Macau | 6,705 | 243 | 0 | 13 | 4 | 6,965 |
| 118 | Macedonia | 529 | 157 | 39 | 173 | 52 | 950 |
| 119 | Madagascar | 171 | 24 | 3 | 16 | 17 | 231 |
| 120 | Malawi | 122 | 17 | 4 | 39 | 6 | 188 |
| 121 | Malaysia | 620,120 | 92,864 | 1,271 | 199,978 | 63,186 | 977,419 |
| 122 | Maldives | 943 | 145 | 5 | 241 | 56 | 1,390 |
| 123 | Mali | 265 | 44 | 12 | 26 | 4 | 351 |
| 124 | Malta | 1,104 | 254 | 5 | 370 | 146 | 1,879 |
| 125 | Marshall Islands | 21 | 1 | 0 | 18 | 1 | 41 |
| 126 | Mauritania | 10 | 4 | 0 | 10 | 2 | 26 |
| 127 | Mauritius | 1,988 | 262 | 14 | 385 | 85 | 2,734 |
| 128 | Mayotte | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 129 | Mexico | 14,046 | 2,463 | 252 | 4,647 | 1,227 | 22,635 |
| 130 | Micronesia | 10 | 0 | 0 | 14 | 0 | 24 |
| 131 | Moldova | 786 | 221 | 29 | 158 | 54 | 1,248 |
| 132 | Monaco | 62 | 13 | 0 | 13 | 5 | 93 |
| 133 | Mongolia | 6,145 | 1,799 | 10 | 11,501 | 9,719 | 29,174 |
| 134 | Montenegro | 154 | 65 | 10 | 97 | 39 | 365 |
| 135 | Morocco | 2,304 | 518 | 232 | 1,050 | 256 | 4,360 |
| 136 | Mozambique | 165 | 18 | 13 | 82 | 26 | 304 |
| 137 | Myanmar (Burma) | 40,404 | 5,564 | 132 | 10,227 | 3,018 | 59,345 |
| 138 | Namibia | 264 | 18 | 5 | 102 | 17 | 406 |
| 139 | Nauru | 5 | 2 | 0 | 10 | 0 | 17 |
| 140 | Nepal | 5,396 | 763 | 47 | 1,213 | 306 | 7,725 |
| 141 | Netherland | 82,914 | 16,012 | 573 | 31,558 | 10,174 | 141,231 |
| 142 | New Zealand | 48,582 | 6,718 | 186 | 13,892 | 4,496 | 73,874 |
| 143 | Nicaragua | 125 | 28 | 6 | 45 | 9 | 213 |
| 144 | Niger | 71 | 4 | 0 | 2 | 2 | 79 |
| 145 | Nigeria | 2,055 | 382 | 61 | 621 | 144 | 3,263 |
| 146 | Norway | 28,803 | 7,611 | 139 | 10,188 | 4,561 | 51,302 |
| 147 | Nothern Mariana Islands | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 2 |
| 148 | Oman | 839 | 113 | 16 | 265 | 51 | 1,284 |
| 149 | Pakistan | 6,281 | 1,094 | 151 | 1,739 | 407 | 9,672 |
| 150 | Palau | 29 | 0 | 0 | 27 | 0 | 56 |
| 151 | Palestine | 154 | 39 | 11 | 101 | 14 | 319 |
| 152 | Panama | 595 | 164 | 27 | 202 | 63 | 1,051 |
| 153 | Papua New Guinea | 166 | 42 | 13 | 105 | 20 | 346 |
| 154 | Paraguay | 269 | 60 | 6 | 73 | 28 | 436 |
| 155 | Peru | 2,074 | 426 | 13 | 711 | 264 | 3,488 |
| 156 | Philippine | 195,071 | 30,511 | 1,363 | 66,489 | 22,226 | 315,660 |
| 157 | Poland | 41,614 | 12,970 | 313 | 15,482 | 8,834 | 79,213 |
| 158 | Portugal | 17,060 | 2,884 | 160 | 5,404 | 1,527 | 27,035 |
| 159 | Qatar | 450 | 57 | 24 | 161 | 37 | 729 |
| 160 | Reunion | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 161 | Romania | 9,925 | 2,469 | 332 | 4,011 | 1,506 | 18,243 |
| 162 | Russia | 662,869 | 211,051 | 2,098 | 47,595 | 26,129 | 949,742 |
| 163 | Rwanda | 108 | 12 | 1 | 30 | 10 | 161 |
| 164 | S.Vincent Grenadines | 16 | 3 | 0 | 1 | 0 | 20 |
| 165 | Saint Kitts & Nevis | 175 | 27 | 3 | 49 | 17 | 271 |
| 166 | Saint Lucia | 34 | 1 | 0 | 2 | 2 | 39 |
| 167 | Salomon Islands | 27 | 3 | 0 | 22 | 4 | 56 |
| 168 | San Marino | 34 | 7 | 0 | 5 | 3 | 49 |
| 169 | Santalucia | 7 | 1 | 0 | 0 | 0 | 8 |
| 170 | Saotome & Principe | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 171 | Saudi Arabia | 2,502 | 428 | 191 | 581 | 194 | 3,896 |
| 172 | Senegal | 211 | 37 | 15 | 37 | 17 | 317 |
| 173 | Serbia | 3,972 | 1,343 | 143 | 1,285 | 504 | 7,247 |
| 174 | Seychelles | 174 | 28 | 3 | 36 | 7 | 248 |
| 175 | Siera Leone | 27 | 6 | 0 | 41 | 5 | 79 |
| 176 | Singapore | 313,280 | 39,022 | 770 | 202,533 | 37,075 | 592,680 |
| 177 | Slovakia | 7,210 | 1,934 | 88 | 2,432 | 1,181 | 12,845 |
| 178 | Slovenia | 3,294 | 859 | 7 | 847 | 456 | 5,463 |
| 179 | Somalia | 154 | 39 | 0 | 7 | 5 | 205 |
| 180 | Spain | 85,185 | 9,623 | 612 | 30,371 | 5,913 | 131,704 |
| 181 | Srilanka | 14,920 | 1,959 | 396 | 3,935 | 1,110 | 22,320 |
| 182 | St.Helena | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 3 |
| 183 | Sudan | 305 | 49 | 4 | 116 | 24 | 498 |
| 184 | Suriname | 61 | 10 | 1 | 14 | 5 | 91 |
| 185 | Swaziland | 29 | 2 | 0 | 10 | 2 | 43 |
| 186 | Sweden | 51,533 | 16,751 | 170 | 12,112 | 5,815 | 86,381 |
| 187 | Switzerland | 37,805 | 8,330 | 149 | 13,689 | 4,784 | 64,757 |
| 188 | Syria | 802 | 99 | 64 | 798 | 195 | 1,958 |
| 189 | Tajikistan | 255 | 81 | 5 | 95 | 31 | 467 |
| 190 | Thailand | 541,741 | 99,337 | 3,075 | 246,861 | 88,926 | 979,940 |
| 191 | Timor Leste | 318 | 23 | 24 | 147 | 15 | 527 |
| 192 | Togo | 122 | 8 | 1 | 14 | 1 | 146 |
| 193 | Tonga | 37 | 9 | 1 | 11 | 2 | 60 |
| 194 | Trinidad & Tobago | 382 | 56 | 2 | 79 | 23 | 542 |
| 195 | Tunisia | 1,822 | 398 | 101 | 742 | 231 | 3,294 |
| 196 | Turkey | 19,313 | 5,836 | 3,379 | 8,959 | 2,335 | 39,822 |
| 197 | Turkmenistan | 378 | 77 | 4 | 190 | 29 | 678 |
| 198 | Tuvalu | 11 | 1 | 0 | 13 | 0 | 25 |
| 199 | Uganda | 1,553 | 203 | 11 | 228 | 39 | 2,034 |
| 200 | Ukraine | 16,703 | 5,225 | 365 | 3,040 | 1,032 | 26,365 |
| 201 | Unindentified | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 2 |
| 202 | United Arab Emirates | 1,139 | 204 | 97 | 548 | 103 | 2,091 |
| 203 | United Kingdom | 327,639 | 69,658 | 1,830 | 113,823 | 43,168 | 556,118 |
| 204 | United Nations Organization | 1,591 | 251 | 73 | 748 | 182 | 2,845 |
| 205 | United Republic of Tanzania | 414 | 60 | 5 | 89 | 15 | 583 |
| 206 | United States | 760,599 | 138,627 | 4,004 | 364,808 | 134,579 | 1,402,617 |
| 207 | United States Minor Outlying | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| 208 | Uruguay | 2,200 | 378 | 11 | 638 | 304 | 3,531 |
| 209 | Uzbekistan | 1,526 | 515 | 225 | 3,077 | 1,527 | 6,870 |
| 210 | Vanuatu | 499 | 41 | 2 | 147 | 43 | 732 |
| 211 | Vatican City | 17 | 1 | 0 | 13 | 1 | 32 |
| 212 | Venezuela | 1,407 | 247 | 64 | 455 | 117 | 2,290 |
| 213 | Virgin Islands UK | 39 | 8 | 0 | 0 | 0 | 47 |
| 214 | Wallis and Futuna Islands | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 215 | Western Samoa | 32 | 9 | 0 | 28 | 4 | 73 |
| 216 | Yemen | 352 | 66 | 17 | 127 | 39 | 601 |
| 217 | Zambia | 126 | 20 | 4 | 27 | 6 | 183 |
| 218 | Zimbabwe | 530 | 85 | 14 | 160 | 34 | 823 |
| Tổng số | 19,742,840 | 3,261,476 | 356,608 | 4,271,833 | 1,648,395 | 29,281,152 |
| ***Phụ lục 2*** | **BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI NƯỚC NGOÀI** **NHẬP CẢNH VIỆT NAM THEO MỤC ĐÍCH NHẬP CẢNH****(từ 01/01/2019 đến 30/01/2023)** |

*Kèm theo báo cáo số /BC- BCA ngày tháng 4 năm 2023 của Bộ Công an*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kí hiệu thị thực** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **TỔNG SỐ** |
| 1 | ĐT4 |  X | 268 | 336 | 492 | 38 | 1134 |
| 2 | ĐT3 |  X | 155 | 254 | 643 | 34 | 1086 |
| 3 | ĐT2 | x  | 9 | 18 | 27 | 2 | 56 |
| 4 | ĐT1 | x  | 9 | 21 | 40 | 2 | 72 |
| 5 | ÐT | 2393 | 297 | x  |  x |  x | 2690 |
| 6 | VR | 20834 | 5553 | 6084 | 14166 | 960 | 47597 |
| 7 | TT | 9233 | 3852 | 4124 | 9766 | 653 | 27628 |
| 8 | SQ | 1 | 4 |  0 |  0 |  0 | 5 |
| 9 | PV2 | 4601 | 302 | 6 | 976 | 113 | 5998 |
| 10 | PV1 | 18 | 7 | 8 | 16 |  0 | 49 |
| 11 | NN3 | 8912 | 1764 | 1246 | 4873 | 468 | 17263 |
| 12 | NN2 | 190 | 72 | 86 | 169 | 21 | 538 |
| 13 | NN1 | 15 | 10 | 13 | 29 | 4 | 71 |
| 14 | NG4 | 1056 | 136 | 128 | 1063 | 30 | 2413 |
| 15 | NG3 | 88 | 68 | 91 | 125 | 6 | 378 |
| 16 | NG2 | 162 | 195 | 889 | 289 | 3 | 1538 |
| 17 | NG1 | 406 | 6 | 1 | 189 |  0 | 602 |
| 18 | LĐ2 |  X | 1883 | 3186 | 6847 | 1020 | 12936 |
| 19 | LĐ1 |  X | 84 | 120 | 225 | 7 | 436 |
| 20 | LĐ | 10248 | 1716 | x  |  x |  x | 11964 |
| 21 | LV2 | 1333 | 141 | 196 | 1009 | 33 | 2712 |
| 22 | LV1 | 5187 | 1396 | 1536 | 5143 | 342 | 13604 |
| 23 | LS |   | 6 | 19 | 29 | 2 | 56 |
| 24 | HN | 2335 | 43 | 54 | 595 | 18 | 3045 |
| 25 | DN2 | X |  0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 26 | DN1 |  X | 61774 | 87060 | 230785 | 19398 | 399020 |
| 27 | DN | 492298 | 78530 |  x |  x |  x | 570828 |
| 28 | DL | 7443451 | 805992 | 2335 | 90807 | 31361 | 8373946 |
| 29 | DH | 9399 | 2059 | 1281 | 6629 | 467 | 19835 |
| 30 | EV | 509328 | 171543 | 0 | 547699 | 164431 | 1393001 |
| **Tổng** | **8012160** | **966334** | **109092** | **374932** | **54982** | **9517500** |

*Ghi chú:*

*X: không có số liệu do thời điểm thống kê không có ký hiệu thị thực theo quy định của Luật*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Phụ lục 3*** | **BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU NGƯỜI NƯỚC NGOÀI****KHAI BÁO TẠM TRÚ TẠI VIỆT NAM****(từ 01/01/2019 đến 30/01/2022)** |
|  |  |

*Kèm theo báo cáo số /BC- BCA ngày tháng 4 năm 2023 của Bộ Công an*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Stt**  | **Địa phương** | **Tổng số** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** |
| 1 | Hà Nội | 6871039 | 4483359 | 810998 | 172692 | 1227131 | 176859 |
| 2 | Phú Thọ | 45126 | 18721 | 7373 | 6159 | 11458 | 1415 |
| 3 | Vĩnh Phúc | 91773 | 37513 | 18016 | 14744 | 19609 | 1891 |
| 4 | Quảng Ngãi | 57605 | 27906 | 10895 | 5940 | 11458 | 1406 |
| 5 | Kon Tum | 12347 | 5723 | 3062 | 1203 | 1956 | 403 |
| 6 | Gia Lai | 32016 | 13495 | 4417 | 5177 | 8086 | 841 |
| 7 | Cần Thơ | 443816 | 264302 | 77211 | 10295 | 73361 | 18647 |
| 8 | Trà Vinh | 41394 | 17859 | 7849 | 4744 | 8853 | 2089 |
| 9 | Cà Mau | 29432 | 9881 | 5928 | 2432 | 9116 | 2075 |
| 10 | Cao Bằng | 31566 | 19967 | 3703 | 601 | 6505 | 790 |
| 11 | Bắc Kạn | 21889 | 12556 | 2914 | 959 | 4983 | 477 |
| 12 | Hà Tĩnh | 82005 | 35343 | 19334 | 10411 | 15073 | 1844 |
| 13 | TP. Hồ Chí Minh | 6649641 | 3829477 | 926697 | 265156 | 1430616 | 197695 |
| 14 | Bình Dương | 378878 | 160829 | 62946 | 55656 | 91325 | 8122 |
| 15 | Bến Tre | 48401 | 25785 | 8271 | 2534 | 9819 | 1992 |
| 16 | Kiên Giang | 1231517 | 582009 | 221180 | 36767 | 305930 | 85631 |
| 17 | Bình Định | 110361 | 47832 | 21756 | 8441 | 28590 | 3742 |
| 18 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2877636 | 1132872 | 815143 | 332578 | 562357 | 34686 |
| 19 | Long An | 45242 | 15023 | 7832 | 7838 | 13437 | 1112 |
| 20 | Đồng Tháp | 422511 | 169343 | 131481 | 75695 | 41799 | 4193 |
| 21 | Vĩnh Long | 62059 | 34390 | 11653 | 2491 | 10699 | 2826 |
| 22 | Hải Phòng | 673201 | 390508 | 104442 | 52187 | 113511 | 12553 |
| 23 | Hải Dương | 84632 | 36202 | 18194 | 12492 | 15930 | 1814 |
| 24 | Thái Bình | 30898 | 12354 | 5570 | 4656 | 7570 | 748 |
| 25 | Tuyên Quang | 14853 | 6308 | 2961 | 1770 | 3366 | 448 |
| 26 | Yên Bái | 28048 | 16250 | 4533 | 1992 | 4919 | 354 |
| 27 | Bắc Ninh | 427197 | 192449 | 79836 | 71909 | 76974 | 6029 |
| 28 | TP. Đà Nẵng | 5305760 | 3610674 | 616134 | 39453 | 826872 | 212627 |
| 29 | Phú Yên | 37618 | 18925 | 6894 | 2217 | 8039 | 1543 |
| 30 | Đắk Nông | 6928 | 2484 | 1044 | 1493 | 1702 | 205 |
| 31 | Ninh Thuận | 56731 | 29519 | 11924 | 3563 | 9722 | 2003 |
| 32 | Đồng Nai | 146163 | 64359 | 25783 | 20079 | 31665 | 4277 |
| 33 | Hậu Giang | 19458 | 9034 | 4395 | 734 | 3697 | 1598 |
| 34 | Sóc Trăng | 30379 | 16031 | 4729 | 1372 | 6602 | 1645 |
| 35 | Lạng Sơn | 70334 | 36319 | 14341 | 7251 | 11522 | 901 |
| 36 | Bắc Giang | 92643 | 22900 | 20301 | 27619 | 20694 | 1129 |
| 37 | Thanh Hoá | 105717 | 40026 | 21573 | 16074 | 25411 | 2633 |
| 38 | Bình Phước | 22482 | 7351 | 4830 | 4523 | 5289 | 489 |
| 39 | Tây Ninh | 73433 | 31794 | 13968 | 9569 | 16110 | 1992 |
| 40 | Tiền Giang | 72462 | 37425 | 14291 | 5803 | 12694 | 2249 |
| 41 | Hà Giang | 246929 | 118075 | 34606 | 3128 | 77701 | 13419 |
| 42 | Thái Nguyên | 46930 | 15772 | 7143 | 12481 | 10406 | 1128 |
| 43 | Quảng Ninh | 3420918 | 2788418 | 314438 | 20413 | 251552 | 46097 |
| 44 | Lai Châu | 9598 | 5308 | 1434 | 716 | 1941 | 199 |
| 45 | Điện Biên | 19382 | 10525 | 2742 | 603 | 4716 | 796 |
| 46 | Quảng Nam | 4325801 | 2193940 | 657264 | 278462 | 1081885 | 114250 |
| 47 | An Giang | 95975 | 61346 | 17549 | 1727 | 12271 | 3082 |
| 48 | Bạc Liêu | 16804 | 7891 | 3447 | 1320 | 3332 | 814 |
| 49 | Hưng Yên | 39949 | 14638 | 7778 | 8636 | 8030 | 867 |
| 50 | Nam Định | 37759 | 15857 | 6874 | 5153 | 8675 | 1200 |
| 51 | Ninh Bình | 712906 | 242635 | 132191 | 90251 | 229559 | 18270 |
| 52 | Sơn La | 22234 | 7489 | 4692 | 1253 | 7520 | 1280 |
| 53 | Hoà Bình | 58371 | 35788 | 9158 | 2786 | 9178 | 1461 |
| 54 | Quảng Trị | 35094 | 17766 | 6150 | 2492 | 8021 | 665 |
| 55 | Thừa Thiên -Huế | 1455216 | 1031212 | 211671 | 7440 | 168948 | 35945 |
| 56 | Khánh Hoà | 3968941 | 3038218 | 469654 | 28816 | 334583 | 97670 |
| 57 | Đắk Lắk | 54500 | 26001 | 9486 | 4394 | 12649 | 1970 |
| 58 | Lâm Đồng | 537552 | 379083 | 115992 | 15961 | 25955 | 561 |
| 59 | Bình Thuận | 3808316 | 1492931 | 764818 | 332771 | 1140891 | 76905 |
| 60 | Hà Nam | 40350 | 10472 | 7686 | 9701 | 11152 | 1339 |
| 61 | Lào Cai | 472247 | 304762 | 57…033 | 7237 | 92301 | 10914 |
| 62 | Nghệ An | 78249 | 39117 | 14445 | 6271 | 16690 | 1726 |
| 63 | Quảng Bình | 226528 | 140791 | 36409 | 5133 | 37519 | 6676 |

1. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 (trong đó có nhiệm vụ, giải pháp “tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế”); Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 22/12/2022 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, đánh giá, đề xuất sửa đổi quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp gần nhất để tạo điều kiện thuận lợi hơn về thủ tục, thời gian, số lượt nhập cảnh, số ngày lưu trú tại Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế. [↑](#footnote-ref-2)
2. Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật số 51; Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về XNC; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của CDVN, kiểm soát XNC bằng cổng kiểm soát tự động. [↑](#footnote-ref-3)
3. Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 25/5/2020 về danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 25/5/2020 về việc miễn thị thực cho người nước ngoài vào khu kinh tế ven biển Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;Nghị quyết số 32/NQ-CP về việc miễn thị thực cho công dân các nước: Cộng hoà liên bang Đức, Cộng hoà Pháp, Cộng hoà I-ta-li-a, Vương quốc Tây Ban Nha, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Liên Bang Nga, Nhật Bản, Đại hàn Dân quốc, Vương quốc Đan Mạch, Vương quốc Thụy Điển, Vương quốc Na uy, Cộng hòa Phần Lan và Cộng hoà Bê-la-rút. [↑](#footnote-ref-4)
4. Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10/6/2020 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-BCA; Thông tư số 65/2022/TT-BCA ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công an ban hành. [↑](#footnote-ref-5)
5. Thông tư số 02/2020/TT-BNG ngày 14/02/2020 về việc tổ chức giải quyết công tác lãnh sự. [↑](#footnote-ref-6)
6. Quy định cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-7)
7. Bộ Ngoại giao định kỳ tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh sự (02 lớp/ năm), chỉ đạo các Cơ quan đại diện thực hiện quảng bá chính sách nhập cảnh của Việt Nam cho người nước ngoài, trong đó đã công bố, tích cực quảng bá về thủ tục xin thị thực điện tử. [↑](#footnote-ref-8)
8. Kết quả đã trình bày tại mục 2, Phần 2 của Báo cáo này. [↑](#footnote-ref-9)
9. Định kỳ tổ chức Hội nghị giao ban giữa Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao và giữa Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cục Cửa khẩu - Bộ Tư lệnh Bộ Đội Biên phòng. [↑](#footnote-ref-10)